

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-12-2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng,
tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2022/TLST-DS
ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11
năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; nơi thường trú: thôn Ngọc B,
xã Quảng P, huyện Quảng X, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: tổ X, ấp Bà T, xã Cây T,
huyện Bàu B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Xuân Đ, sinh năm 1990; nơi thường trú: thôn Thanh M,
xã Quảng P, huyện Quảng X, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: tổ X, ấp Bà P, xã Long N,
huyện Bàu B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà
Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Xuân Đ tự nguyện chung sống, có tổ chức
đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Phúc, huyện Quảng
Xương, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2015. Sau khi kết hôn thì bà T, ông Đ xảy ra

nhiều mâu thuẫn, ông Đ không đi làm kiếm tiền phụ giúp gia đình mà lại chơi cờ bạc, số đề dẫn đến nợ nần phải bán tài sản trả nợ. Một mình bà T phải quán xuyến mọi việc trong gia đình cũng như chăm sóc con cái. Bà T đã nhiều lần khuyên nhủ ông Đ nhưng không được. Hiện bà T, ông Đ đã sống ly thân được khoảng 04 năm. Nhận thấy, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với ông Trần Xuân Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Xuân N, sinh ngày 30-7-2016. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhật.

Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông Trần Xuân Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Trần Xuân Đ trình bày: Ông Đ thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, cụ thể:

Về hôn nhân: ông Đ đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông Đ đồng ý giao con chung Trần Xuân Nhật, sinh ngày 30-7-2016 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông Đ không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ông Đ hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bàu Bàng nên ông Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Đ có nơi cư trú tại xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà T, bị đơn ông Đ vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bà T, ông Đ theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T và ông Đ chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa ngày 27-02-2015 nên hôn nhân của bà T và ông Đ là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn thì bà T, ông Đ xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông Đ không đi làm kiếm tiền phụ giúp gia đình mà lại chơi cờ bạc, số đề dẫn đến nợ nần phải bán tài sản trả nợ. Một mình bà T phải quán xuyến mọi việc trong gia đình cũng như chăm sóc con cái. Bà T đã nhiều lần khuyên nhủ ông Đ nhưng không được. Hiện bà T, ông Đ đã sống ly thân được khoảng 04 năm. Hơn nữa, ông Đ cũng đồng ý ly hôn với bà T. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm chăm sóc lẫn nhau, việc bà T và ông Đ là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn cùng chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình như vậy đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Xuân N, sinh ngày 30-7-2016. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhật. Xét thấy, bà T hiện có công việc thu nhập ổn định, cháu N còn nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp của mẹ nên yêu cầu về con chung của bà T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Trần Xuân Đ về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Xuân Đ.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Xuân Nhật, sinh ngày 30-7-2016 cho bà Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2021/0009405 ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- UBND xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Công Thông tin điện tử của Tòa án (nếu có)
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Anh Duy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Độ

Nguyễn Văn Hòa

Phạm Anh Duy